

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2014
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Trương Tài	Ủy viên
Ông Trần Quốc Duy	Ủy viên

Ban Kiểm Soát

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng Ban
Ông Mai Quý Trung	Thành viên
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Số: VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 8 năm 2014 từ trang 4 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – “*Công tác soát xét báo cáo tài chính*”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đã phát hành báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính ngày 09 tháng 8 năm 2013 với kết luận chấp nhận toàn phần.

Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		53.856.996.025	44.219.162.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.907.096.655	2.545.955.834
1. Tiền	111	4	6.907.096.655	2.545.955.834
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.054.970.711	3.054.970.711
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.054.970.711	3.054.970.711
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.509.982.542	30.714.515.797
1. Phải thu khách hàng	131		3.417.704.589	3.450.769.663
2. Trả trước cho người bán	132		22.012.800	287.288.173
3. Các khoản phải thu khác	135	6	35.008.745.584	28.914.938.392
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.938.480.431)	(1.938.480.431)
IV. Hàng tồn kho	140	7	726.393.186	641.763.692
1. Hàng tồn kho	141		726.393.186	641.763.692
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.658.552.931	7.261.956.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.629.850.269	1.827.609.855
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.618.018	1.501.387.227
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		722.710.494	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	4.297.374.150	3.932.959.014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		217.197.858.491	200.046.254.769
I. Tài sản cố định	220		129.065.914.275	122.103.479.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	100.410.409.487	94.625.842.572
- Nguyên giá	222		167.250.830.473	154.960.694.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.840.420.986)	(60.334.852.275)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	18.318.546.000	18.318.546.000
- Nguyên giá	228		18.318.546.000	18.318.546.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	10.336.958.788	9.159.090.910
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		88.044.301.263	77.844.301.263
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	66.320.000.000	56.120.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	28.850.000.000	28.850.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(7.125.698.737)	(7.125.698.737)
III. Tài sản dài hạn khác	260		87.642.953	98.474.024
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	10.831.071
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	87.642.953	87.642.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		271.054.854.516	244.265.416.899

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		167.930.090.308	154.668.577.748
I. Nợ ngắn hạn	310		83.826.410.663	86.760.276.606
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	55.310.931.744	51.144.397.097
2. Phải trả người bán	312		5.620.620.165	13.659.691.528
3. Người mua trả tiền trước	313		28.754.820	5.306.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	497.239.935	859.046.057
5. Phải trả người lao động	315		2.667.722.955	3.567.691.260
6. Chi phí phải trả	316	19	3.100.788.550	1.086.352.883
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	16.147.202.494	16.186.291.780
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		453.150.000	251.500.000
II. Nợ dài hạn	330		84.103.679.645	67.908.301.142
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	29.952.017.305	31.227.930.652
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	54.151.662.340	36.680.370.490
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		103.124.764.208	89.596.839.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	103.124.764.208	89.596.839.151
1. Vốn cổ phần	411		80.693.070.000	80.693.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289.330.000	289.330.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		166.650.000	166.650.000
4. Lợi nhuận phân phối	420		21.975.714.208	8.447.789.151
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		271.054.854.516	244.265.416.899
		Đơn vị	30/6/2014	31/12/2013
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ		USD	149,39	1.155,77

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24	79.678.548.384	86.319.920.777
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	24	41.553.859	53.513.730
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		79.636.994.525	86.266.407.047
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	62.656.634.967	66.182.699.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.980.359.558	20.083.707.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	16.658.650.128	2.823.530.446
7. Chi phí tài chính	22	28	6.086.084.216	6.136.169.578
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.979.010.406	6.200.775.244
8. Chi phí bán hàng	24		5.555.543.354	5.152.289.954
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.169.328.302	8.672.136.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		14.828.053.814	2.946.641.243
11. Thu nhập khác	31	29	3.076.009.682	1.656.224.400
12. Chi phí khác	32	29	2.147.749.320	935.533.132
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		928.260.362	720.691.268
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.756.314.176	3.667.332.511
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	628.389.119	952.532.520
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		15.127.925.057	2.714.799.991

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.756.314.176	3.667.332.511
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.494.355.000	13.100.433.653
Các khoản dự phòng	03	-	1.679.720.594
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.030.825.729)	(897.958.492)
Chi phí lãi vay	06	5.979.010.406	6.200.775.244
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.198.853.853	23.750.303.510
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.272.265.770)	(1.314.627.110)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(84.629.494)	96.621.786
Thay đổi các khoản phải trả	11	7.442.248.352	(3.062.829.705)
Thay đổi chi phí trả trước	12	208.590.657	(121.606.965)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.033.222.100)	(6.531.478.335)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.069.218.420)	(92.417.985)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	37.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(364.415.136)	(226.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.025.941.942	12.534.465.196
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(27.545.113.970)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	2.421.454.547	1.281.818.182
3. Tiền chi cho vay của đơn vị khác	23	-	(2.697.554.946)
4. Tiền thu hồi cho vay công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.998.724.270
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.197.309.292)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.234.917	398.075.903
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.295.733.798)	1.981.063.409
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	84.430.500.000	43.744.716.381
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(59.006.952.488)	(55.864.898.713)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.792.614.835)	(79.463.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.630.932.677	(12.199.645.832)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	4.361.140.821	2.315.882.773
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.545.955.834	2.815.604.131
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	6.907.096.655	5.131.486.904

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 927.500.000 đồng (kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 9.946.818.182 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán vào cuối kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 3.002.690.708 đồng (kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: không phát sinh), số tiền này gồm 2.200.000.000 đồng là số vốn góp đầu tư chuyển từ phần lợi nhuận được chia từ các công ty con và 802.690.708 đồng là số tiền dùng để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định bằng cách cần trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là “MLC”, tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 11 năm 2013.

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty là “MNC”, bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2006.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.693.070.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là “MLG”) là cổ đông chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 977 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 936).

Tại ngày Bản cân đối kế toán riêng, Công ty có các công ty con và các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung – Chi nhánh Du Lịch	92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, TK Diêm Hải, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành Phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành Phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28 - Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, đường Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành Phố Quy Nhơn, Bình Định	Dịch vụ taxi

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định theo Nghị quyết 04/2014/BB-MLMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị với giá chuyển nhượng: 8.000.000.000 đồng. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 411021000020 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định tại ngày 18 tháng 6 năm 2014 với vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng. Theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; do đó, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 bên dưới.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá vốn, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ liên quan được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	598.683.212	490.139.113
Tiền gửi ngân hàng	6.308.413.443	2.055.816.721
	<u>6.907.096.655</u>	<u>2.545.955.834</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay ngắn hạn	3.054.970.711	3.054.970.711
	<u>3.054.970.711</u>	<u>3.054.970.711</u>

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014:

<u>Đối tượng</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	12 tháng	1,3%/tháng	1.354.970.711
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	12 tháng	1%/tháng	1.700.000.000
			<u>3.054.970.711</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên trong nhóm Mai Linh Miền Trung ("MLC")	13.594.609.652	6.349.444.910
Công ty thành viên trong Tập Đoàn Mai Linh ("MLG")	21.056.231.440	21.958.664.467
Các khoản phải thu khác	357.904.492	606.829.015
	<u>35.008.745.584</u>	<u>28.914.938.392</u>

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho bao gồm công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế các loại dùng cho việc sửa chữa và bảo dưỡng xe ô tô.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	44.025.215	35.486.004
Chi phí bảo hiểm	698.189.269	944.351.841
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	887.635.785	847.772.010
	<u>1.629.850.269</u>	<u>1.827.609.855</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	892.886.150	530.704.014
Ký quỹ Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị (*)	3.112.000.000	3.112.000.000
Ký quỹ, ký cược khác	292.488.000	290.255.000
	<u>4.297.374.150</u>	<u>3.932.959.014</u>

(*) Là khoản ký quỹ thuê 15 xe Toyota Inova J theo hợp đồng thuê số 001/2011/HĐKT ngày 01 tháng 6 năm 2011 và số 002/2011/HĐKT ngày 01 tháng 6 năm 2011 với Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	3.692.132.322	164.432.113	151.104.130.412	154.960.694.847
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	17.347.927.910	17.347.927.910
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.057.792.284)	(5.057.792.284)
Tại ngày 30/6/2014	<u>3.692.132.322</u>	<u>164.432.113</u>	<u>163.394.266.038</u>	<u>167.250.830.473</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.530.477.153	164.432.113	58.639.943.009	60.334.852.275
Khấu hao trong năm	123.432.000	-	9.370.923.000	9.494.355.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.988.786.289)	(2.988.786.289)
Tại ngày 30/6/2014	<u>1.653.909.153</u>	<u>164.432.113</u>	<u>65.022.079.720</u>	<u>66.840.420.986</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	<u>2.038.223.169</u>	<u>-</u>	<u>98.372.186.318</u>	<u>100.410.409.487</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.161.655.169</u>	<u>-</u>	<u>92.464.187.403</u>	<u>94.625.842.572</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 98.372.186.318 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 92.464.187.403 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 510.766.266 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 346.334.153 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 36.810.988.278 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 36.810.988.278 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của hai (02) lô đất sau:

- (a) Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - Thành phố Đà Nẵng với diện tích 12.594.80 m² với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (b) Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9 - TP. Đà Nẵng với số tiền 936.000.000 đồng, thế chấp tại Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21, Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Tài sản xây dựng cơ bản dở dang bao gồm 15 chiếc xe Toyota Innova tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã mua nhưng chưa đưa vào sử dụng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu vào công ty con ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	13.620.000.000	13.620.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	-
	66.320.000.000	56.120.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Quảng Bình	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Huế	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Hội An	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Bình Định	100%	100%	Dịch vụ taxi

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định theo Nghị quyết 04/2014/BB-MLMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị với giá chuyển nhượng: 8.000.000.000 đồng. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 411021000020 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định tại ngày 18 tháng 6 năm 2014 với vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng. Theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	28.850.000.000	28.850.000.000
	28.850.000.000	28.850.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn như sau:

Tên công ty được đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Khánh hòa	10.76	10.76	Dịch vụ taxi

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	(36.677.145)	(36.677.145)
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	(7.089.021.592)	(7.089.021.592)
	(7.125.698.737)	(7.125.698.737)

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 30/6/2014	Vốn CSH theo BCTC	Vốn thực góp tại 30/06/2014	Dự phòng tại 30/06/2014
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	100%	16.751.097.140	12.600.000.000	(36.677.145)
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	10.76%	202.147.043.794	28.850.000.000	(7.089.021.592)

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm kế toán trước.

	Chi phí phải trả VND
Tại ngày 01/01/2013	394.019.365
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(306.376.412)
Tại ngày 31/12/2013	87.642.953
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	-
Tại ngày 30/6/2014	87.642.953

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	27.693.000.000	24.840.680.000
Vay ngắn hạn cá nhân	9.874.016.000	5.865.000.000
Vay ngắn hạn từ Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	-	2.591.916.838
Vay cán bộ công nhân viên đến hạn phải trả	-	1.871.028.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	13.855.718.750	12.408.041.875
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả	3.888.196.994	3.567.730.384
	55.310.931.744	51.144.397.097

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay này được thực hiện bằng đồng Việt Nam với tổng hạn mức là 31 tỷ đồng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này (xem

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

các Thuyết minh 10 và 11). Các khoản vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 8,5% đến 10,5% (giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới 30 tháng 6 năm 2013: 10% đến 11,1%). Các khoản vay này có thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 0,96% đến 1,15%/tháng.

Vay dài hạn từ Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An là khoản vay với lãi suất cho mỗi tháng từ 1 đến 1,5% và đã được Công ty căn trừ công nợ vào ngày 31 tháng 5 năm 2014.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	35.264.944	27.686.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	345.029.598	785.858.899
Thuế thu nhập cá nhân	116.945.393	42.769.205
Các loại thuế khác	-	2.731.360
	497.239.935	859.046.057

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trích trước tiền lương, thưởng	1.200.000.000	-
Chi phí phải trả lãi vay	70.206.733	124.418.427
Chi phí thuê thương hiệu	729.515.385	-
Chi phí phải trả khác	1.101.066.432	961.934.456
	3.100.788.550	1.086.352.883

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	600.643.305	375.760.701
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	629.776.841	809.424.772
Phải trả cho các công ty thành viên trong MLC	8.491.714.171	6.322.554.642
Phải trả các công ty thành viên trong MLG	1.185.426.011	227.622.531
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	827.630.731	501.197.052
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	1.811.413.582	1.464.199.799
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.019.370.140	5.740.150.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	581.227.713	745.381.308
	16.147.202.494	16.186.291.780

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (*)	8.943.217.305	8.196.530.652
Phải trả dài hạn khác (**)	21.008.800.000	23.031.400.000
	29.952.017.305	31.227.930.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (*) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc và mở thẻ “Mailinh Customer Club” (“MCC”) của khách hàng.
- (**) Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn ngân hàng	32.390.755.000	20.618.550.329
Vay dài hạn cán bộ công nhân viên	21.706.992.340	12.222.184.146
Vay từ Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	-	3.785.721.015
Vay đối tượng khác	53.915.000	53.915.000
	54.151.662.340	36.680.370.490

Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước thể hiện các khoản vay bằng đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho dịch vụ kinh doanh taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty hình thành từ vốn vay (xem thêm Thuyết minh 10) và có thời hạn vay từ 48 tháng cho tới 84 tháng với lãi suất năm trong khoảng từ 9,3% đến 13% (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 12% đến 13,05%).

Vay dài hạn cán bộ công nhân viên là các khoản vay thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh với thời hạn cho vay từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 1% đến 1,04%.

Vay dài hạn từ Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An là khoản vay với lãi suất cho mỗi tháng từ 1 đến 1,5% và đã được Công ty cần trừ công nợ vào ngày 31 tháng 5 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	17.743.915.744	15.975.772.259
Trong năm thứ hai	24.133.807.610	18.975.886.886
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	28.257.854.730	17.704.483.604
Sau năm năm	1.760.000.000	-
	71.895.578.084	52.656.142.749
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(17.743.915.744)	(15.975.772.259)
Số phải trả sau 12 tháng	54.151.662.340	36.680.370.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2013	80.693.070.000	289.330.000	166.650.000	4.191.980.011	85.341.030.011
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.590.462.640	8.590.462.640
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.034.653.500)	(4.034.653.500)
Giảm khác	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	80.693.070.000	289.330.000	166.650.000	8.447.789.151	89.596.839.151
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	15.127.925.057	15.127.925.057
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2014	80.693.070.000	289.330.000	166.650.000	21.975.714.208	103.124.764.208

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty công bố trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.600.000.000 đồng (năm 2013: 300.000.000 đồng).

Hội đồng Quản trị Công ty cũng đề xuất mức chia cổ tức bằng tiền cho năm 2013 là 500 đồng trên 1 cổ phiếu tương đương là 4.034.850.000 đồng và mức chia cổ tức bằng cổ phiếu tương đương là 12.104.550.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa làm thủ tục thanh toán và ghi nhận khoản cổ tức này của năm 2013 cho các cổ đông.

Cổ phần

	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.069.307	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.069.307	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.069.307	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.069.307	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, vốn cổ phần của Công ty là 80.693.070.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 80.693.070.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 30/6/2014			Tại ngày 31/12/2013		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
MLG	3.856.332	47,79%	38.563.320.000	3.856.332	47,79%	38.563.320.000
Ông Hồ Huy	1.021.200	12,66%	10.212.000.000	1.021.200	12,66%	10.212.000.000
Các Cổ đông khác	3.191.775	39,55%	31.917.750.000	3.191.775	39,55%	31.917.750.000
Tổng cộng	8.069.307	100%	80.693.070.000	8.069.307	100%	80.693.070.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. DOANH THU

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.678.548.384	86.319.920.777
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	60.052.321.976	64.957.974.714
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	3.994.545.453	6.512.399.762
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	1.250.173.025	1.239.830.514
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	6.412.955.418	1.304.057.056
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	6.197.485.246	10.654.302.862
Doanh thu hoa hồng đại lý	-	1.586.455.869
Doanh thu các dịch vụ khác	1.771.067.266	64.900.000
Các khoản giảm từ doanh thu	(41.553.859)	(53.513.730)
Chiết khấu thương mại	(41.553.859)	(53.513.730)
	79.636.994.525	86.266.407.047

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	49.462.923.762	53.720.924.395
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	2.510.710.635	1.617.278.925
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	1.264.362.239	943.139.594
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	5.839.632.800	2.449.342.998
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	2.238.055.634	6.106.043.097
Giá vốn dịch vụ hoa hồng đại lý	-	1.345.970.815
Giá vốn các dịch vụ khác	1.340.949.897	-
	62.656.634.967	66.182.699.824

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.915.592.110	18.947.690.670
Chi phí nhân công	25.689.799.015	32.272.670.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.494.355.000	13.100.433.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.824.940.572	15.117.739.281
Chi phí khác	5.456.819.926	1.313.450.083
	75.381.506.623	80.751.983.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.234.917	398.075.903
Lợi nhuận được chia từ công ty con	12.900.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	3.525.727.497	2.425.454.543
Doanh thu hoạt động tài chính khác	207.687.714	-
	16.658.650.128	2.823.530.446

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền vay	5.979.010.406	6.200.775.244
Chi phí hoạt động tài chính khác	107.073.810	86.244.079
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	-	(150.849.745)
	6.086.084.216	6.136.169.578

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	2.966.909.093	1.281.818.182
Khác	109.100.589	374.406.218
Thu nhập khác	3.076.009.682	1.656.224.400
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	2.069.005.995	781.935.593
Khác	78.743.325	153.597.539
Chi phí khác	2.147.749.320	935.533.132
Lợi nhuận khác	928.260.362	720.691.268

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	15.756.314.176	3.667.332.511
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	12.900.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	142.797.567
Thu nhập chịu thuế	2.856.314.176	3.810.130.078
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	628.389.119	952.532.520

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Công ty ký hợp đồng số 474/060720114 ngày 04 tháng 4 năm 2014 cam kết mua phương tiện vận tải với Công ty Cổ phần Phú Tài – Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng với tổng giá trị là 34.250.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã hoàn tất một phần của hợp đồng mua phương tiện vận tải trên với giá trị là 17.125.000.000 đồng và sẽ cam kết mua phần còn lại trong 6 tháng cuối năm 2014.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 13 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thuộc sở hữu Ông Hồ Minh Châu với giá trị chuyển nhượng là 74.633.325.000 đồng, tương ứng số lượng là 5.970.666 cổ phần (gồm: 5.434.298 cổ phần phổ thông và 536.368 cổ phần ưu đãi cổ tức). Thời hạn thanh toán được chia thành 05 đợt, đợt cuối vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Quyền sở hữu của bên nhận chuyển nhượng được xác lập tương ứng với số tiền mà Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung thanh toán cho Ông Hồ Minh Châu về số tiền mua cổ phần theo nguyên tắc cổ phần phổ thông trước, cổ phần ưu đãi cổ tức sau cùng.

Ngày 13 tháng 6 năm 2014, Ông Hồ Minh Châu đã nộp đơn kiện Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung yêu cầu Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Tại ngày Báo cáo này, vụ kiện vẫn đang trong quá trình hòa giải. Công ty đã thực hiện phần lớn nghĩa vụ với Ông Hồ Minh Châu và Ban Giám đốc tin tưởng rằng sự việc này không có ảnh hưởng trọng yếu; theo đó, Công ty không ghi nhận các khoản nợ dự phòng có thể phát sinh trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>5.505.036.364</u>	<u>4.711.460.004</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	<u>5.050.818.182</u>	<u>7.764.000.000</u>
	<u>5.050.818.182</u>	<u>7.764.000.000</u>

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	109.462.594.084	87.824.767.587
Trừ: Tiền	(6.907.096.655)	(2.545.955.834)
Nợ thuần	102.555.497.429	85.278.811.753
Vốn chủ sở hữu	103.124.764.208	89.596.839.151
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,99</u>	<u>0,95</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	6.907.096.655	2.545.955.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.426.450.173	32.365.708.055
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.054.970.711	3.054.970.711
Các khoản ký quỹ, ký cược	3.404.488.000	3.402.255.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	28.850.000.000	28.850.000.000
	<u>80.643.005.539</u>	<u>70.218.889.600</u>

Công nợ tài chính

Các khoản vay	109.462.594.084	87.824.767.587
Phải trả người bán và phải trả khác	30.711.039.964	38.042.513.960
Chi phí phải trả	3.100.788.550	1.086.352.883
	<u>143.274.422.598</u>	<u>126.953.634.430</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế <u>VND</u>
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VND	200	2.189.251.882
VND	(200)	(2.189.251.882)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	200	1.756.495.352
VND	(200)	(1.756.495.352)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
30/6/2014			
Tiền	6.907.096.655	-	6.907.096.655
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.426.450.173	-	38.426.450.173
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.054.970.711	-	3.054.970.711
Các khoản ký quỹ, ký cược	3.404.488.000	-	3.404.488.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	28.850.000.000	28.850.000.000
	51.793.005.539	28.850.000.000	80.643.005.539
Các khoản vay	55.310.931.744	54.151.662.340	109.462.594.084
Phải trả người bán và phải trả khác	21.767.822.659	8.943.217.305	30.711.039.964
Chi phí phải trả	3.100.788.550	-	3.100.788.550
	80.179.542.953	63.094.879.645	143.274.422.598
Chênh lệch thanh khoản thuần	(28.386.537.414)	(34.244.879.645)	(62.631.417.059)

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền	2.545.955.834	-	2.545.955.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.365.708.055	-	32.365.708.055
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.054.970.711	-	3.054.970.711
Các khoản ký quỹ, ký cược	3.402.255.000	-	3.402.255.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	28.850.000.000	28.850.000.000
	41.368.889.600	28.850.000.000	70.218.889.600
Các khoản vay	51.144.397.097	36.680.370.490	87.824.767.587
Phải trả người bán và phải trả khác	29.845.983.308	8.196.530.652	38.042.513.960
Chi phí phải trả	1.086.352.883	-	1.086.352.883
	82.076.733.288	44.876.901.142	126.953.634.430
Chênh lệch thanh khoản thuần	(40.707.843.688)	(16.026.901.142)	(56.734.744.830)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh ("MLG")
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi

Chủ sở hữu
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Công ty con (từ ngày 01/01/2014)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	Công ty thành viên trong MLG
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	Công ty thành viên trong MLG
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ An ninh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty CP Vận tải Tốc hành Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	Công ty đồng Chủ tịch

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Bán hàng		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	1.303.636.363	1.181.818.180
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	18.181.818	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	63.636.363	27.272.727
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	1.098.872.619	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	-	27.272.727
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	13.636.364	-
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	729.515.385	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	245.454.545	224.545.455
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1.545.636.364	3.103.227.931
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	299.647.455	239.090.909
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	282.974.182	745.588.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Mua hàng		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1,228,363,639	1,295,454,548
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1,274,545	-
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	259,751,914	549,170,038
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	661,818,182	1,020,138,742
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	2,177,062,000	1,003,580,000
	8,162,403,226	7,803,153,926
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	8,162,403,226	7,803,153,926
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	1,500,000	387,125,000
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	205,896,900	681,196,400
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	14,300,000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ An ninh	108,900,000	209,550,000
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	62,202,040	58,382,257
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và		
In bao bì Năng Động	24,138,105	103,288,386
	10,067,739,171	9,149,335,669
Điều chuyển lợi nhuận cho MLC		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1,100,000,000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1,700,000,000	-
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	4,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	1,100,000,000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	5,000,000,000	-
	12,900,000,000	-
	18,062,403,226	7,803,153,926
	18,062,403,226	7,803,153,926
Mua tài sản cố định		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	-	11.181.818.175
	-	11.181.818.175
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương	856.882.792	794.062.120
Các khoản phúc lợi khác	73.218.250	197.474.200
	930.099.042	991.536.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	909.717.798	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	4.904.556.311	3.513.932.186
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	2.693.000	2.693.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	130.632.389	452.262.384
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	7.647.010.154	2.380.557.340
	13.594.609.652	6.349.444.910
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	13.480.991.928	14.661.750.101
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.297.818.727	1.560.818.727
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	97.145.369	12.423.526
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	15.950.000	713.795.708
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	9.650.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	75.129.569	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	3.025.000	3.025.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	447.590.290	283.980.848
Công ty Cổ phần Vận tải Tộc hành Mai Linh	1.357.867.543	1.457.867.543
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	136.141.285	136.141.285
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	6.060.000	-
	21.056.231.440	21.958.664.467
Ký quỹ		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.112.000.000	3.112.000.000
Đầu tư khác (cho vay ngắn hạn)		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.354.970.711	1.354.970.711
	3.054.970.711	3.054.970.711
Phải trả khác		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	342.749.126
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	-	380.838.112
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	26.664.000	25.262.000
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	7.663.030.778	5.117.333.511
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	21.305.393	21.305.393
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	780.714.000	435.066.500
	8.491.714.171	6.322.554.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả khác		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	1.844.531	4.844.531
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	-
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	2.000.000	2.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	60.299.800	58.649.800
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	35.035.990	97.719.600
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	4.290.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ An ninh	39.930.000	39.930.000
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	7.100.000	7.100.000
Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa Mai Linh	737.000	737.000
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	641	641
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	1.017.813.224	10.377.884
Nam Trung Bộ và Tây Nguyên		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	335.575	335.575
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	14.679.250	5.927.500
	<u>1.185.426.011</u>	<u>227.622.531</u>
Vay ngắn hạn		
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	-	6.377.637.853

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2014